



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 02

Ngày 01 tháng 01 năm 2012

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

16-12-2011	Quyết định số 80/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.	03
------------	--	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

30-11-2011	Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp.	14
------------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

05-12-2011	Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 - 2015.	39
------------	--	----

09-12-2011	Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại huyện Củ Chi.	54
------------	--	----

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

15-12-2011 Công văn số 608/UBND về việc đính chính nội dung tại Chỉ thị số 04/2011/CT-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011. 74

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2011/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VPCP-BNV ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của bộ phận kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 9141/TTr-KSTTHC ngày 14 tháng 12 năm 2011; Công văn số 5976/STP-VB ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra đôn đốc các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức
về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2011/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (sau đây gọi là Nghị định số 20/2008/NĐ-CP); Quy chế này không áp dụng việc tiếp nhận khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 2. Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố là đầu mối tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Quy chế này áp dụng cho các cơ quan hành chính, cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại thành phố; cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

Điều 4. Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu theo giải thích từ ngữ quy định tại Điều 3 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP như sau:

1. Quy định hành chính là những quy định về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh và đời sống nhân dân, thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

2. Phản ánh là việc cá nhân, tổ chức có ý kiến với cơ quan hành chính nhà nước

về những vấn đề liên quan đến quy định hành chính, bao gồm: những vướng mắc cụ thể trong thực hiện; sự không hợp pháp, không hợp lý, không đồng bộ, không thống nhất với hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và những vấn đề khác.

3. Kiến nghị là việc cá nhân, tổ chức có phản ánh với cơ quan hành chính nhà nước và đề xuất phương án xử lý hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

Chương II

NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU VỀ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

Điều 5. Nội dung phản ánh, kiến nghị

1. Phản ánh về hành vi: những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức.

2. Phản ánh về nội dung các quy định hành chính, gồm: sự không phù hợp với thực tế, sự không đồng bộ, không thống nhất của các quy định hành chính; quy định hành chính không hợp pháp, trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập hoặc những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.

3. Phương án xử lý những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân trên địa bàn thành phố.

Điều 6. Yêu cầu chung đối với phản ánh, kiến nghị

1. Phản ánh, kiến nghị bằng văn bản do cá nhân, tổ chức trực tiếp chuyển đến Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; thông qua dịch vụ bưu chính, viễn thông hoặc qua hộp thư điện tử.

2. Phản ánh, kiến nghị thông qua số điện thoại chuyên dùng đã được công bố công khai; trình bày rõ nội dung phản ánh, kiến nghị; ghi rõ hoặc thông báo tên, địa chỉ, số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử khi cần liên hệ được Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố ghi nhận trung thực nội dung phản ánh, kiến nghị bằng văn bản.

3. Phản ánh, kiến nghị bằng phiếu lấy ý kiến do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính cụ thể và phải thể hiện rõ nội dung cần lấy ý kiến; việc lấy ý kiến có thể thông qua một hoặc nhiều hình thức như: gửi văn bản, qua phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử thành phố.

4. Phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

Điều 7. Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

1. Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo quy định;

2. Địa chỉ tiếp nhận tại số 86 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

3. Số điện thoại chuyên dùng: (08) 39.349.134

4. Thư điện tử: kstthc.ubnd@tphcm.gov.vn

5. Trang thông tin điện tử: <http://www.hochiminhcity.gov.vn>

<http://www.vpub.hochiminhcity.gov.vn>

Chương III

TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

Điều 8. Quy trình tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

1. Tất cả cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh, kiến nghị với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) về quy định hành chính, thủ tục hành chính và việc thực hiện thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước thành phố.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức thực hiện thông qua hình thức văn bản, điện thoại, Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tiếp nhận phải tuân thủ đúng quy trình theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP; hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 6 của Quy chế này (*theo mẫu*).

b) Phản ánh, kiến nghị được thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính, viễn thông

hoặc qua hộp thư điện tử có nội dung chưa rõ hoặc chưa đủ căn cứ để tiếp nhận, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) liên hệ, trao đổi trực tiếp với cá nhân, tổ chức phản ánh, kiến nghị để làm rõ những nội dung có liên quan (nếu cần thiết).

c) Việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức thông qua các nguồn: thông tin báo chí, hội thảo, hội nghị, trang thông tin điện tử, thư điện tử, dịch vụ bưu chính phải ghi rõ nguồn thông tin và được chuyển đến cơ quan có liên quan theo quy định.

d) Liên hệ với cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị và chịu trách nhiệm về thể thức văn bản gửi cho cá nhân, tổ chức; việc liên hệ, trao đổi với cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị trong quá trình tiếp nhận chỉ sử dụng số điện thoại chuyên dùng đã được công bố, công khai.

đ) Trường hợp cần thiết mời cá nhân, tổ chức trực tiếp phản ánh, kiến nghị đến trao đổi có thể mời các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có liên quan cùng tham gia.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) phân loại và chuyển đến Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện phản ánh, kiến nghị về quy định, thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Điều 6, 7 Quy chế này;

b) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị do Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) chuyển đến và trả lời kết quả trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận.

c) Trường hợp cần thiết phải tham gia đầy đủ, đúng thành phần quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 9. Nghiên cứu, đánh giá và phân loại phản ánh

1. Trường hợp phản ánh, kiến nghị không tiếp nhận do không đáp ứng yêu cầu tại Điều 6 của Quy chế này:

a) Các đơn, thư khiếu nại, tố cáo; các đơn, thư hỏi đáp pháp luật; các đơn, thư có

nội dung phản ánh, kiến nghị nhưng không xác định rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân, tổ chức phản ánh, kiến nghị và không thể xác minh được.

b) Các đơn, thư có nội dung không phải là phản ánh, kiến nghị hoặc không thể hiện rõ nội dung phản ánh, kiến nghị mặc dù đã xác minh nhưng không thể làm rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) thông báo cho cá nhân, tổ chức có đơn, thư nêu trên được biết và lưu hồ sơ.

2. Các phản ánh, kiến nghị được thực hiện thông qua văn bản, điện thoại đủ điều kiện tiếp nhận:

a) Phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định tại các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

b) Phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố. Trường hợp này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền xử lý trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận.

3. Phản ánh, kiến nghị đã được tiếp nhận phải lưu giữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương IV

XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

Điều 10. Quy trình xử lý phản ánh, kiến nghị

1. Đối với phản ánh, kiến nghị do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc thực hiện không đúng quy định về thủ tục hành chính của cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

a) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm xử lý phản ánh, kiến nghị theo đúng quy định; trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận phải có báo cáo về kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định.

2. Đối với phản ánh, kiến nghị về nội dung quy định hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân thành phố do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận.

3. Đối với phản ánh, kiến nghị về nội dung quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố việc xử lý phải tuân thủ quy trình sau:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

- Nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan đến nội dung phản ánh, kiến nghị để đánh giá theo tiêu chí (sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ đối với thủ tục hành chính) và phân loại: phản ánh, kiến nghị chưa đủ cơ sở xem xét xử lý, cần tiếp tục tổng hợp để nghiên cứu; phản ánh, kiến nghị có đủ cơ sở để xem xét xử lý.

- Đối với phản ánh, kiến nghị có đủ cơ sở để xem xét xử lý, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố ký văn bản thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chuyển phản ánh, kiến nghị đến Thủ trưởng Sở, ban, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo ngành quản lý để xử lý; ký văn bản trả lời cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

- Theo dõi, đôn đốc, việc xử lý phản ánh, kiến nghị của các Sở, ban, ngành thành phố; báo cáo kết quả xử lý cho Ủy ban nhân dân thành phố; thông báo kết quả xử lý cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố có trách nhiệm:

- Nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan đến nội dung phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố theo ngành quản lý;

- Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định hành chính. Trường hợp có quy định về thủ tục hành chính phải thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

- Dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định hành chính, thủ tục hành chính theo thẩm quyền.

- Thời hạn xử lý phản ánh, kiến nghị tại nội dung này tùy thuộc vào tính chất phức tạp của từng phản ánh, kiến nghị cụ thể.

4. Đối với phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính có nhiều nội dung liên quan từ hai Sở, ban, ngành thành phố trở lên do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố ký văn bản thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chuyển phản ánh, kiến nghị đến cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định.

Điều 11. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị

1. Việc công khai được thực hiện thông qua các hình thức: đăng tải trên trang thông tin điện tử của thành phố (<http://www.hochiminhcity.gov.vn>); thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; gửi thông báo cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

2. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc công bố công khai kết quả xử lý, phản ánh, kiến nghị thông qua các hình thức tại Khoản 1 Điều này.

Chương V CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố giúp Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nghiên cứu trong việc chỉ đạo thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên địa bàn thành phố;

b) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành thành phố thực hiện nghiêm túc việc xử lý phản ánh, kiến nghị quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố đúng quy định;

d) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra và kịp thời đề xuất biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức tại các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn;

đ) Nghiên cứu các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính giúp Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ hoặc đình chỉ thực hiện những quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, cơ quan ngang Bộ; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

a) Trực tiếp chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc xử lý dứt điểm, kịp thời, đúng thẩm quyền những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính đã được Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chuyển đến tiếp nhận phải đảm bảo đúng thời hạn và đúng thẩm quyền.

b) Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố xử lý các phản ánh, kiến nghị quy định hành chính liên quan đến hai hay nhiều Sở, ban, ngành thành phố và không thống nhất được về phương án xử lý; những kiến nghị về quy định hành chính đã được Ủy ban nhân dân thành phố xử lý nhưng cá nhân, tổ chức vẫn tiếp tục phản ánh, kiến nghị; những phản ánh kiến nghị thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương.

c) Đề xuất hình thức khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tổ chức có những phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đem lại hiệu quả thiết thực giúp Ủy ban nhân dân thành phố hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ; cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của

cá nhân, tổ chức về quy định hành chính hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP.

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi ngân sách thường xuyên. Giao Sở Tài chính giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc bố trí kinh phí theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP.

Điều 14. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ trước ngày 10 tháng 6 và tháng 12 hàng năm, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình và kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP phải chịu trách nhiệm kỷ luật theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn phản ánh về Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2011/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 30 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận Gò Vấp tại Tờ trình số 358/TTr-PNV ngày 24 tháng 11 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 22/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2006, Quyết định số 4709/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận và những quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Bao gồm tất cả các tổ chức, tập thể, cá nhân có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển quận Gò Vấp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng đều được Ủy ban nhân dân quận xét khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên xét khen thưởng.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Công tác thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua và đăng ký thi đua.

2. Công tác khen thưởng thực hiện trên nguyên tắc chính xác, dân chủ, công khai, công bằng và kịp thời.

3. Căn cứ thành tích đạt được, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành xem xét và đề nghị khen thưởng phù hợp (thành tích đến đâu khen thưởng đến đó). Mỗi hình thức khen thưởng có thể được xét tặng nhiều lần cho một đối tượng, không nhất thiết hình thức khen thưởng lần sau phải cao hơn hình thức khen thưởng lần trước. Chú ý khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính, khen thưởng ở cấp cơ sở nhiều hơn cấp trên, người lao động trực tiếp nhiều hơn cán bộ quản lý.

Điều 3. Nhiệm vụ của công tác thi đua, khen thưởng

1. Công tác thi đua, khen thưởng phải nhằm đáp ứng yêu cầu khẳng định, ghi nhận, đánh giá thành tích thi đua của các tập thể và cá nhân trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và

địa phương; khen thưởng phải đúng đối tượng, chính xác, kịp thời, có tác dụng động viên và nêu gương.

2. Công tác khen thưởng phải gắn liền với kết quả đạt được trong các phong trào thi đua; khắc phục tình trạng khen thưởng tràn lan, mất cân đối giữa các lĩnh vực và các đơn vị. Đề khắc phục tình trạng xin, cho không đúng tiêu chuẩn trong khen thưởng; cần chú trọng thực hiện việc cấp trên chủ động xem xét, đánh giá và khen thưởng thành tích cho các cá nhân, đơn vị trực thuộc. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân phát hiện những trường hợp có thành tích xứng đáng, phải có trách nhiệm báo cáo thành tích và kết quả cho cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp, có trách nhiệm tổ chức, xây dựng, chỉ đạo phong trào thi đua, tổ chức thực hiện giao ước thi đua giữa các cụm thi đua, khối thi đua; tổ chức phát động thi đua, đăng ký giao ước thi đua ở cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, gắn với nhiệm vụ, công tác được giao. Theo năm kế hoạch và từng đợt thi đua, đợt vận động, lãnh đạo các ngành, các cấp phải có trách nhiệm xem xét, đánh giá, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua để xét chọn những tập thể và cá nhân trong đơn vị đã lập thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để kịp thời biểu dương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng, chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến.

4. Các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phải có trách nhiệm phát hiện, xem xét các tập thể, cá nhân có thành tích để kịp thời động viên, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng. Không bỏ sót tập thể, cá nhân có thành tích; không khen thưởng những tập thể, cá nhân không có thành tích hoặc chưa đủ thành tích, điều kiện để khen thưởng.

5. Các cơ quan thông tin có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 4. Tổ chức thi đua

1. Hình thức thi đua gồm có thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt (thi đua theo chuyên đề):

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt nhất công

việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Thi đua thường xuyên áp dụng giữa các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị, hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Thi đua thường xuyên được tổ chức theo khối, cụm thi đua để ký kết giao ước thi đua. Đầu năm đơn vị thực hiện việc đăng ký giao ước thi đua giữa các cá nhân, tập thể. Kết thúc năm công tác (hoặc năm học đối với ngành giáo dục và đào tạo), đơn vị tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua; những cá nhân, tập thể có đăng ký thi đua thì mới được bình xét danh hiệu thi đua.

b) Thi đua theo đợt (hoặc thi đua theo chuyên đề) được phát động khi xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian, nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tập trung hoàn thành nhiệm vụ có tính chất chuyên môn để thực hiện những công việc khó khăn, những việc còn yếu kém.

Khi tiến hành sơ, tổng kết đợt hoặc chuyên đề thi đua chủ yếu thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua (giấy khen). Trường hợp sơ, tổng kết đợt hoặc chuyên đề thi đua có thời gian từ 01 năm trở lên, đơn vị chủ trì phát động thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

3. Tổ chức, đánh giá, chấm điểm thi đua:

a) Các Cụm thi đua tổ chức ký kết giao ước thi đua từ đầu năm. Cuối năm, các Cụm thi đua tổ chức họp đánh giá kết quả giao ước thi đua đã thực hiện trong năm.

b) Các phòng, ban, đoàn thể quận có các lĩnh vực hoạt động ở các phường phải xây dựng và phổ biến công khai các nội dung, tiêu chí, thang điểm thi đua. Đồng thời tổ chức đánh giá, phân loại, chấm điểm thi đua các phường theo thang điểm chấm thống nhất là 100 điểm.

c) Các phường có trách nhiệm nhận xét, đánh giá vai trò quản lý, điều hành hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các phòng, ban, đoàn thể quận đối với các phường theo thang điểm thống nhất là 100 điểm.

d) Kết quả chấm điểm thi đua gửi đến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận chậm nhất là ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Các phòng, ban, đoàn thể quận và các phường có trách nhiệm giải đáp, trả lời công khai về kết quả chấm điểm thi đua trong Hội nghị xét thi đua hàng năm.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận căn cứ vào số điểm của các phòng, ban, đoàn thể quận và các phường chấm (tham khảo kết quả đánh giá thi đua của các Cụm) để làm cơ sở đánh giá và xét thi đua hàng năm.

Điều 5. Chia Cụm thi đua

Các đơn vị thuộc quận được chia thành 8 Cụm thi đua, gồm:

1. Khối các ban xây dựng Đảng:

Cụm thi đua 1: Văn phòng Quận ủy, Ban Tổ chức Quận ủy, Ban Dân vận Quận ủy, Ban Tuyên giáo Quận ủy, Ủy ban Kiểm tra Quận ủy.

2. Khối Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể:

Cụm thi đua 2: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, Hội Cựu Chiến binh quận, Hội Nông dân quận, Hội Liên hiệp Phụ nữ quận, Hội Chữ Thập đỏ quận, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quận.

3. Khối cơ quan quản lý hành chính nhà nước:

Cụm thi đua 3: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Nội vụ, Phòng Tư pháp, Thanh tra, Phòng Kinh tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Cụm thi đua 4: Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Y tế, Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Thanh tra Xây dựng.

4. Khối phường:

Cụm thi đua 5: Phường 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

Cụm thi đua 6: Phường 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17.

5. Khối doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp:

Cụm thi đua 7: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích,

Nông trường Duyên Hải, Ban Quản lý các chợ: Gò Vấp, An Nhơn, Xóm Mới, Hạnh Thông Tây, Tân Sơn Nhất.

Cụm thi đua 8: Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình, Ban Quản lý Công viên Văn hoá, Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng, Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục Thể thao, Trung tâm Y tế dự phòng, Bệnh viện Gò Vấp, Trường Trung cấp nghề Quang Trung, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị, Nhà thiếu Nhi.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khôi Phường

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế:

a) Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế: công tác quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn; công tác quản lý, cấp phép loại hình kinh doanh nhà cho thuê ở; kết quả thực hiện công tác quản lý các ngành nghề kinh doanh nhạy cảm dễ phát sinh tệ nạn xã hội theo quy hoạch đã được duyệt.

b) Công tác thu ngân sách Nhà nước so với kế hoạch được giao và so với năm trước: thu thuế; thu khác; công tác quyết toán ngân sách; tình hình thực hiện chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong sử dụng ngân sách.

2. Nội dung 2 - Kết quả hoạt động quản lý đô thị:

a) Công tác quản lý qui hoạch và thực hiện qui hoạch, gồm: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000.

b) Kết quả quản lý về xây dựng: tình hình chấp hành pháp luật trong xây dựng tại địa phương (cấp giấy phép xây dựng, sửa chữa, tổng số diện tích xây dựng mới, tăng giảm so với năm trước). Hạn chế, ngăn chặn được tình hình xây dựng không phép, sai phép, phối hợp chặt chẽ với ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức tuyên truyền, thực hiện các quy định về quản lý xây dựng.

c) Kết quả thực hiện về công tác Tài nguyên - Môi trường.

d) Kết quả thực hiện công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

e) Kết quả vận động nhân dân thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng hẻm theo phân công quản lý và thực hiện chỉ tiêu mở rộng hẻm dưới 2m.

g) Kết quả công tác quản lý vệ sinh môi trường: công tác khắc phục, ngăn chặn ô nhiễm môi trường, giải quyết vấn đề rác, phong trào Xanh - Sạch - Đẹp.

3. Nội dung 3 - Kết quả chăm lo, phát triển đời sống văn hoá, xã hội:

a) Tình hình thực hiện công tác giáo dục, gồm: tỉ lệ % huy động trẻ 05 tuổi ra

lớp, tỉ lệ % huy động trẻ 06 tuổi vào lớp 1; kết quả phổ cập giáo dục bậc Trung học phổ thông; vấn đề xã hội hoá giáo dục, quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục (công tác quản lý các cơ sở mầm non ngoài công lập...).

b) Tình hình thực hiện 10 chuẩn Quốc gia về Trạm y tế phường; Kết quả tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, công tác quản lý bệnh xã hội, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác quản lý hành chính Nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm.

c) Công tác dân số, gia đình và trẻ em bao gồm nội dung: thực hiện công tác quản lý dân số; thực hiện quyền trẻ em, chú ý đối tượng trẻ có hoàn cảnh đặc biệt. Tập trung giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện ma túy và trẻ phạm pháp; kết quả thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại và công tác truyền thông sức khỏe sinh sản.

d) Tình hình xây dựng phát triển văn hoá cơ sở, gồm: xây dựng phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng, kết quả vận động xây dựng đời sống văn hoá trên địa bàn dân cư, thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Công tác quản lý hành chính Nhà nước trên lĩnh vực Văn hóa Thông tin - Thể thao.

e) Hoạt động thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe về số lượng và chất lượng, vấn đề xã hội hóa thể dục thể thao, kết quả tổ chức, tham gia các hoạt động thể thao.

g) Về các mặt công tác xã hội, gồm: Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, xây dựng nhà tình thương; thực hiện các chỉ tiêu về giải quyết việc làm; kết quả thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo; chăm lo các đối tượng xã hội; công tác quản lý các cơ sở dịch vụ việc làm; kết quả thực hiện tiếp nhận và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện.

4. Nội dung 4 - Kết quả công tác quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chấp hành Pháp luật:

a) Thực hiện Chương trình 3 giảm: các hoạt động ngăn chặn, đẩy lùi, tấn công tội phạm và các tệ nạn xã hội nhất là ma túy, mại dâm, tội phạm hình sự trong thực hiện mục tiêu “3 giảm” của thành phố; tỷ lệ giảm các loại tội phạm hình sự, ma túy và mại dâm.

b) Công tác an ninh, trật tự: công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự ở các khu dân cư, quản lý nhà cho thuê ở trên địa bàn phường và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện; công tác giữ gìn trật tự lề đường, kéo giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông, phòng chống đua xe trái phép; công tác phòng cháy, chữa cháy ở các khu dân cư và trong các cơ quan, doanh nghiệp; công tác xây dựng lực lượng

Công an, vững mạnh, trong sạch; phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và công tác quản lý địa bàn dân cư.

c) Về công tác Quân sự địa phương: công tác tổ chức, tham gia diễn tập phòng thủ; công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng; thực hiện chỉ tiêu giao quân nghĩa vụ quân sự; công tác hậu phương, quân đội.

d) Hoạt động tư pháp: kết quả công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật trong nội bộ và trong nhân dân; hoạt động thi hành án dân sự với mức dưới 500.000 đồng theo phân cấp.

e) Kết quả thực hiện công tác Thanh tra nhân dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

5. Nội dung 5 - Công tác xây dựng chính quyền, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua - Khen thưởng:

a) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời và kết quả thực hiện những chỉ đạo tập trung của Ủy ban nhân dân quận.

b) Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức.

c) Tình hình thực hiện và hiệu quả công tác cải cách hành chính theo mô hình “một cửa”;

d) Tình hình và hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở.

e) Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet.

g) Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân quận.

h) Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào thi đua liên tục, rộng, mạnh; Công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

6. Nội dung 6 - Công tác xây dựng Đảng:

a) Hoạt động của Đảng ủy, Chi bộ khu phố.

b) Công tác tổ chức.

b) Công tác Tuyên giáo.

c) Công tác Kiểm tra.

d) Công tác Dân vận.

7. Nội dung 7 - Hoạt động của các đoàn thể:

Đánh giá hoạt động và các phong trào quần chúng của các đoàn thể chính trị xã hội theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm; kết quả phát triển đoàn viên, hội viên trong năm tăng, giảm so với năm trước, đánh giá phân loại chất lượng các tổ chức đoàn thể ở cơ sở.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khôi các Ban xây dựng Đảng

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch được giao (Quận ủy, các Ban xây dựng Đảng Thành ủy):

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu.

b) Công tác phối, kết hợp với các Ban xây dựng Đảng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2. Nội dung 2 - Công tác tham mưu, giúp việc cho Quận ủy về lĩnh vực công tác chuyên môn:

a) Công tác nghiên cứu, đề xuất với Quận ủy về chủ trương, biện pháp xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng về lĩnh vực chuyên môn.

b) Công tác sơ, tổng kết chuyên đề và công tác chuyên môn.

3. Nội dung 3 - Công tác quản lý cơ sở theo lĩnh vực chuyên môn phụ trách:

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra công tác chuyên môn đối với các Chi, Đảng bộ cơ sở.

b) Công tác thống kê, tổng hợp quản lý về chuyên môn đối với các Chi, Đảng bộ cơ sở.

4. Nội dung 4 - Công tác xây dựng đơn vị:

a) Công tác sắp xếp bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức.

b) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

5. Nội dung 5 - Thực hiện chế độ thông tin báo cáo, hội họp và công tác thi đua:

a) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

b) Thực hiện chế độ hội họp.

c) Công tác thi đua.

6. Nội dung 6 - Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh, hoạt động đoàn thể:

a) Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh.

b) Hoạt động đoàn thể.

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khôi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao:

a) Kết quả phát triển đoàn viên, hội viên trong năm tăng giảm so với năm trước.

b) Công tác xây dựng tổ chức đoàn thể ở cơ sở.

2. Nội dung 2 - Kết quả công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các phường và các phòng, ban liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực đoàn thể phụ trách.

3. Nội dung 3 - Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua - Khen thưởng:

a) Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức.

b) Tình hình và hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở.

c) Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm.

d) Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet.

e) Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận.

g) Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào thi đua liên tục, rộng, mạnh; Công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

4. Nội dung 4 - Công tác xây dựng Đảng, hoạt động đoàn thể:

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

- a) Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh.
- b) Công đoàn.
- c) Đoàn Thanh niên.
- d) Phụ nữ.

Điều 9. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khôi phòng ban Chính quyền Quận

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu, kế hoạch được giao (Quận, ngành dọc thành phố).

2. Nội dung 2 - Công tác quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách; công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các phường và các phòng, ban liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ban, ngành, đoàn thể phụ trách.

3. Nội dung 3 - Công tác tham mưu cho Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận xây dựng các văn bản chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận liên quan đến lĩnh vực của ban, ngành, đoàn thể kịp thời, bảo đảm chất lượng. Khi đã có văn bản của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận, việc triển khai thực hiện kịp thời, đạt hiệu quả.

4. Nội dung 4 - Công tác xây dựng các chuyên đề phục vụ các chủ trương, các giải pháp lớn của Quận thuộc lĩnh vực của đơn vị phụ trách hoặc theo yêu cầu của Quận.

5. Nội dung 5 - Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua - Khen thưởng:

a) Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức.

b) Tình hình và hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở.

c) Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm.

d) Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet.

e) Dự hợp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân quận.

g) Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của

Ủy ban nhân dân quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào thi đua liên tục, rộng, mạnh; Công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

6. Nội dung 6 - Công tác xây dựng Đảng, hoạt động đoàn thể:

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

a) Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh.

b) Công đoàn.

c) Đoàn Thanh niên.

d) Cựu Chiến binh.

Điều 10. Công tác tổ chức phong trào thi đua Khối Doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp có thu thuộc quận

1. Nội dung 1 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao:

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

b) Kết quả thực hiện nghĩa vụ thu nộp thuế và thu nộp ngân sách.

2. Nội dung 2 - Kết quả công tác phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể và các phường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

3. Nội dung 3 - Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua - Khen thưởng:

a) Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức.

b) Tình hình và hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở.

c) Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm.

d) Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet.

e) Dự hợp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân quận.

g) Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi

đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào thi đua liên tục, rộng, mạnh; Công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

4. Nội dung 4 - Công tác xây dựng Đảng, hoạt động đoàn thể:

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

a) Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh.

b) Công đoàn.

c) Đoàn Thanh niên.

d) Phụ nữ.

e) Hội Cựu chiến binh.

Điều 11. Cách chấm điểm

Báo cáo chấm điểm, xếp hạng thi đua phải dựa vào kết quả và số liệu cụ thể về tình hình thực hiện nhiệm vụ cả năm và thực hiện một cách tự giác, trung thực, khắc phục việc che giấu khuyết điểm tồn tại, chạy theo thành tích.

1. Điểm chuẩn:

- Một nội dung công tác có nhiều chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu được chấm tối đa là 100 điểm (chưa tính điểm vượt Kế hoạch được thưởng); điểm của nội dung là điểm bình quân các chỉ tiêu trong từng nội dung.

- Các chỉ tiêu có số liệu tính được % thì cứ 1% đạt được, được tính 01 điểm.

- Các mặt công tác hoặc tiêu chuẩn không tính được tỉ lệ % cụ thể; trước đây các đơn vị thường phân loại A, B, C hoặc Xuất sắc, Tốt, Tiên tiến, Khá, Trung bình... nay phải thực hiện theo thang điểm.

2. Điểm cộng:

- Các chỉ tiêu kế hoạch được giao hoặc đơn vị xây dựng đã được Quận phê duyệt vượt 1% được cộng thêm 01 điểm cho tiêu chuẩn đó; nhưng điểm thêm không quá 10 điểm.

- Có một điển hình hoặc một mô hình mới được tổ chức học tập nhân rộng được cộng 10 điểm cho tiêu chuẩn thi đua và phải có báo cáo cụ thể về điển hình hoặc mô hình mới kèm theo báo cáo chấm điểm.

3. Điểm trừ:

Các đơn vị sẽ bị trừ điểm khi:

Thường trực Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận phê bình hoặc nhắc nhở bằng văn bản trên lĩnh vực thuộc tiêu chuẩn nào, tiêu chuẩn đó bị trừ 10 điểm;

- Báo cáo Tổng kết, chấm điểm, xếp hạng thi đua cuối năm chậm so với thời gian quy định bị trừ 10 điểm;

- Thiếu một báo cáo thường xuyên theo quy định hoặc báo cáo đột xuất do Ủy ban nhân dân quận yêu cầu bị trừ 5 điểm ở tiêu chuẩn thông tin báo cáo;

- Vắng mỗi cuộc họp giao ban do Ủy ban nhân dân quận triệu tập nhưng không báo cáo lý do bị trừ 2 điểm ở tiêu chuẩn dự họp.

Điều 12. Cách tính điểm thi đua

Các phường, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan đơn vị căn cứ vào báo cáo kết quả cụ thể thực hiện 4, 6 hoặc 7 nội dung để tự chấm điểm theo từng chỉ tiêu trong mỗi nội dung; điểm bình quân của các chỉ tiêu trong nội dung (đã tính điểm cộng, trừ). Cộng điểm của các nội dung là điểm của đơn vị.

1. Điểm của phường bao gồm điểm do lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, các ban ngành, đoàn thể quận chấm và tham khảo điểm do phường tự chấm.

2. Điểm của ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc quận gồm điểm do lãnh đạo Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận, điểm nhận xét của UBND các phường, điểm đánh giá xếp loại của các Sở, ngành và đoàn thể Thành phố và tham khảo điểm do đơn vị tự chấm.

Ngoài ra, căn cứ chủ đề hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận sẽ căn cứ kết quả việc thực hiện chủ đề thuộc đơn vị được phân công quản lý để cho điểm cộng hoặc điểm trừ vào tổng số điểm của đơn vị để đánh giá xếp hạng, điểm cộng hoặc điểm trừ tối đa là 10 điểm.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN, SỐ LƯỢNG, THẨM QUYỀN XÉT VÀ QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua gồm có: Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, danh hiệu thi đua đối với tập thể và danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến (Chiến sĩ tiên tiến), Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp thành phố (Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể: Tập thể Lao động tiên tiến (Đơn vị tiên tiến), Tập thể Lao động xuất sắc (Đơn vị quyết thắng), Cờ thi đua thành phố (Cờ thi đua của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Cờ thi đua của Chính phủ.

Tổ dân phố văn hóa, khu phố văn hóa.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

Điều 14. Tiêu chuẩn, điều kiện công nhận một số danh hiệu thi đua

1. Tiêu chuẩn

a) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Đơn vị có Chi bộ, Đảng bộ phải đạt đơn vị xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh hoặc hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Đơn vị có Chi bộ, Đảng bộ phải đạt đơn vị xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; đối với Đảng bộ phường phải đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương được xét tặng cho tập thể

thuộc Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập;

- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, công nhân, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

Người lao động không thuộc các đối tượng trên mà gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua sản xuất, hoạt động xã hội và lao động có năng suất cao thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

e) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét tặng cho cá nhân đạt 2 tiêu chuẩn sau đây:

- Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

- Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có giải pháp công tác, có đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác, hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

g) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp thành phố được xét tặng cho cá nhân đạt 2 tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương xem xét, công nhận.

2. Số lượng

Việc bình chọn, suy tôn danh hiệu thi đua phải đảm bảo tính tiêu biểu trong phong trào thi đua, cụ thể như sau:

a) Đối với Cụm thi đua dưới 08 tập thể, xét và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố công nhận 03 tập thể lao động xuất sắc. Đối với Cụm thi đua có từ 08 tập thể trở lên, xét và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố công nhận 04 tập thể lao động xuất sắc.

Trường hợp tập thể được Sở, ban, ngành thành phố chấm điểm là dẫn đầu Cụm thi đua thuộc Sở, ban, ngành thành phố (kết quả chấm điểm của Sở, ban, ngành thành phố phải được gửi đến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận trước Hội nghị xét thi đua hàng năm); tập thể đó có thể được xét và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc (không tính vào số lượng tập thể lao động xuất sắc của Cụm thi đua).

b) Mỗi một Cụm thi đua được xét và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng 01 Cờ Thi đua của thành phố.

c) Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét không quá 30% số lao động đạt danh hiệu lao động tiên tiến của các đơn vị.

d) Chiến sĩ thi đua cấp thành phố được xét và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xét công nhận không quá 30% trong số Chiến sĩ thi đua cơ sở 3 năm liên tục.

Điều 15. Thẩm quyền công nhận một số danh hiệu thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, cá nhân Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở đối với tập thể, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị (gồm các cơ quan hành chính nhà nước quận và phường; các đơn vị sự nghiệp: trường học, bệnh viện...).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc quận, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho cán bộ, công chức của

phường (bao gồm cả nhân viên ủy nhiệm thu thuế, bảo vệ dân phố, phường đội), các đơn vị sự nghiệp, các trường học thuộc quận quản lý.

3. Đối với các doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài... hoạt động độc lập, có trụ sở làm việc tại quận, do Giám đốc doanh nghiệp xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ủy quyền cho Giám đốc doanh nghiệp xét và công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 16. Các danh hiệu thi đua khác

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương IV

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 17. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Tiêu chuẩn

Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận được xét tặng đối với các tập thể, cá nhân khi tổng kết năm, kết thúc một cuộc vận động, một đợt thi đua, một phong trào thi đua, hoàn thành một hạng mục hoặc cả công trình; hoặc có thành tích cụ thể, đột xuất, gương người tốt - việc tốt, học sinh giỏi, gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động từ thiện xã hội... có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi quận.

2. Số lượng

a) Các phong trào do ngành dọc phát động: số lượng giấy khen được xét tặng không lớn hơn số lượng giấy khen do Sở, ngành thành phố tặng.

b) Các phong trào do quận phát động: số lượng giấy khen được xét tặng không lớn hơn 20% số lượng các tập thể tham gia thực hiện; mỗi tập thể được khen thưởng chọn 02 cá nhân tiêu biểu; tập thể không được khen thưởng chọn tối đa 01 cá nhân tiêu biểu (cá nhân được chọn không phải là lãnh đạo đơn vị).

c) Đối với tổng kết công tác năm: chỉ xét tặng giấy khen đối với các đơn vị không xét danh hiệu thi đua hàng năm; số lượng được xét tặng giấy khen không lớn hơn 20% số lượng đơn vị đã khen hoặc không lớn hơn 20% số lượng phường đã khen.

Điều 18. Các hình thức khen thưởng khác

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương V**QUY TRÌNH XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA
VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG HÀNG NĂM****Điều 19. Thời gian xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm**

1. Căn cứ nội dung đăng ký thi đua và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc Quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường báo cáo kết quả thực hiện các nội dung phong trào thi đua yêu nước của cơ quan, đơn vị, các bảng chấm điểm, danh sách đề nghị khen thưởng và gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (đối với các trường học thuộc ngành Giáo dục gửi trước ngày 30 tháng 5 hàng năm).

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Quận tổng hợp kết quả chấm điểm, danh sách đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị trước ngày 10 tháng 12 hàng năm (đối với các trường học thuộc ngành Giáo dục trước ngày 10 tháng 6 hàng năm).

3. Căn cứ kết quả chấm điểm và đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận họp xét thi đua vào tháng 12 hàng năm (đối với ngành Giáo dục vào tháng 6 hàng năm). Kết quả xét thi đua được thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, đơn vị trước khi tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước.

Điều 20. Phạm vi làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận

1. Về nguyên tắc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận thống nhất giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tham mưu Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng khen từ giấy khen của Ủy ban nhân dân quận trở xuống.

2. Các trường hợp đề nghị khen từ bằng khen Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ trưởng các cơ quan ngang Bộ trở lên do tập thể Hội đồng Thi đua - Khen thưởng biểu

quyết, trường hợp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng không họp thì Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thông qua phiếu xin ý kiến, tổng hợp và báo cáo đề nghị.

3. Để đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong đề nghị xét khen thưởng cá nhân bậc cao (từ Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên), Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận báo cáo và tiến hành các thủ tục đề nghị sau khi có văn bản đồng thuận của Ban Thường vụ Quận ủy.

Điều 21. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và số lượng khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Chương III và Điều 17 Chương IV.

2. Đối với những cá nhân là Thủ trưởng đơn vị:

a) Đơn vị được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” thì Thủ trưởng đơn vị có thể được xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và các hình thức, danh hiệu thi đua từ cấp thành phố, Bộ, ngành Trung ương trở lên nếu đủ điều kiện.

b) Đơn vị được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” thì Thủ trưởng đơn vị có thể được xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

c) Đơn vị được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thì Thủ trưởng đơn vị có thể được xét công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến hoặc tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

d) Đơn vị không được khen thưởng thì không xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với Thủ trưởng đơn vị (những Thủ trưởng đơn vị mới được điều động sẽ được cân nhắc theo thực tế).

Điều 22. Quy trình làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng điều hành Hội nghị xét thi đua hàng năm, cử chuyên viên Phòng Nội vụ ghi biên bản tổng hợp và kết luận cuối cùng của Hội nghị.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng báo cáo tổng hợp danh sách điểm đánh giá các đơn vị theo từng khối; gồm kết quả khen thưởng năm trước, đơn vị tự đánh giá cho điểm, điểm đánh giá của ngành cấp trên, điểm đánh giá của lãnh đạo trực tiếp; kết quả đánh giá chất lượng cơ sở Đảng của Ban Thường vụ Quận ủy về việc xét công nhận xây dựng đơn vị Đảng bộ, Chi bộ trong sạch vững mạnh. Tổ Thi

đưa căn cứ các kết quả trên, các quy định hiện hành và quy định này dự kiến, đề xuất danh hiệu, hình thức khen thưởng năm.

3. Việc công nhận và khen thưởng các đơn vị Đảng bộ, Chi bộ trong sạch vững mạnh do Ban Thường vụ Quận ủy quyết định theo thẩm quyền, tại hội nghị nếu cần Ủy viên Hội đồng là Trưởng Ban Tổ chức Quận ủy sẽ thay mặt các ban trao đổi lại các đơn vị.

4. Chất vấn và trả lời:

a) Thủ trưởng các đơn vị bày tỏ quan điểm của mình về số điểm đánh giá và kết quả phân loại Đảng bộ, Chi bộ; trình bày bổ sung những điểm nổi bật xuất sắc, những kinh nghiệm sáng kiến hoặc những giải pháp cải tiến công tác phục vụ công vụ và phục vụ nhân dân có hiệu quả được công nhận, những yếu kém tồn tại cần chú ý khắc phục (nếu cần và trình bày gọn không quá 5 phút);

b) Các cơ quan, đơn vị được chất vấn trả lời công khai các thắc mắc của đơn vị; trường hợp đặc biệt người điều hành hội nghị có thể cho phép cơ quan chất vấn và bị chất vấn đối thoại và trả lời riêng.

5. Các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có quyền yêu cầu thủ trưởng đơn vị giải trình việc đánh giá cho đơn vị, cho cụm thi đua (nếu cần). Khi yêu cầu, câu hỏi cần đặt thẳng vấn đề, thủ trưởng đơn vị hoặc đơn vị liên quan giải trình trực tiếp vấn đề được nêu.

6. Kết thúc phần chất vấn, trả lời và giải trình; chỉ các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đánh giá đề nghị và ghi trực tiếp vào cột “Đánh giá của thành viên Hội đồng” với các mức Cờ Thi đua xuất sắc (dẫn đầu Cụm), Tập thể lao động xuất sắc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Tập thể lao động tiên tiến, giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận vào bảng tổng kết đánh giá có đóng dấu của Phòng Nội vụ quận (trong Hội nghị các thành viên dùng chung một danh sách, nhưng chỉ thành viên Hội đồng, danh sách mới có dấu).

7. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổ chức thu phiếu, tổng hợp các kết luận của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đánh giá cho điểm từng đơn vị và công bố công khai. Trong quá trình thu phiếu, tổng hợp điểm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có thể huy động các chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân quận để hỗ trợ. Các chuyên viên được huy động có trách nhiệm bảo mật về các thông tin liên quan.

8. Danh hiệu và hình thức khen thưởng được coi là kết luận đề nghị của Hội

đồng Thi đua - Khen thưởng khi đơn vị được đa số thành viên có mặt suy tôn, trường hợp ngang phiếu nhau do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng kết luận.

9. Kết luận của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thông báo công khai bằng hình thức văn bản phát hành rộng rãi gửi đến từng đơn vị; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng chỉ nhận khiếu nại bằng văn bản của đơn vị trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hành văn bản. Khi khiếu nại Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trình Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng nội dung khiếu nại và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ủy nhiệm Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định.

Chương VI

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Đối với công tác thi đua khen thưởng định kỳ hàng năm

Hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm bao gồm:

1. Báo cáo phong trào thi đua yêu nước của đơn vị.
2. Bảng chấm điểm thi đua do đơn vị tự chấm.

3. Bảng chấm điểm của Ủy ban nhân dân phường đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quận (hoặc bảng chấm điểm của cơ quan, đơn vị thuộc quận đối với các phường).

4. Biên bản họp xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
5. Danh sách đề nghị khen thưởng.
6. Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.
7. Báo cáo tóm tắt thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

Điều 24. Đối với công tác khen thưởng theo chuyên đề hoặc đột xuất

Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân quận tặng Giấy khen hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen về thành tích của các tập thể và cá nhân trong thực hiện các chuyên đề hoặc đột xuất, gồm:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị đề nghị.
2. Tóm tắt thành tích của tập thể và cá nhân.
3. Biên bản họp xét khen thưởng.

Trường hợp đề nghị tặng bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố phải có

văn bản hiệp y của các cơ quan chủ quản ngành dọc cấp thành phố và bản báo cáo thành tích của tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng.

Điều 25. Đối với đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua khác của các tập thể và cá nhân

Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua khác thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố và các quy định của nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG

Điều 26. Nguyên tắc phân cấp chi kinh phí khen thưởng

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp nào ra quyết định khen thưởng đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện chi tiền thưởng theo quy định từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

Điều 27. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ, Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 28. Mức thưởng và nguồn kinh phí

1. Mức thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm hoặc phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm: mức thưởng được quy định tại Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về sửa đổi, bổ sung Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm hoặc phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm; tiền thưởng được chi từ quỹ hỗ trợ phòng chống tội phạm.

3. Đối với Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị sự nghiệp: tiền thưởng danh

hiệu Lao động tiên tiến chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị sự nghiệp.

4. Đối với các doanh nghiệp: tiền thưởng chi từ quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi của doanh nghiệp.

5. Không chi tiền thưởng đối với các tập thể, cá nhân người nước ngoài, các tổ chức quốc tế; các tập thể, cá nhân được tặng Giấy khen về thành tích đóng góp, ủng hộ trong các cuộc vận động ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ đóng góp công tác từ thiện xã hội...

6. Trường hợp đặc biệt, tùy theo thành tích cụ thể mức thưởng do đơn vị đề nghị và Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định trên cơ sở cân đối từ nguồn quỹ khen thưởng.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường căn cứ Quy định này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành và địa phương mình.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi; đề nghị các đơn vị góp ý bằng văn bản và gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Quận xem xét giải quyết.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Quận, các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2011/QĐ-UBND

*Cử Chi, ngày 05 tháng 12 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Về phê duyệt Chương trình Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp
trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 - 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của UBND thành phố về phê duyệt chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của UBND thành phố về ban hành Quy định về chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị bền vững trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 7803/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2010 của UBND huyện về quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Cử Chi đến năm 2020 tầm nhìn 2025;

Căn cứ cuộc họp Ủy ban nhân dân huyện ngày 14 tháng 4 năm 2011 về góp ý Dự thảo Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế huyện về việc phê duyệt chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Chương trình Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Giao Trưởng phòng Kinh tế huyện chủ trì, phối hợp với các phòng ban, UBND các xã - thị trấn triển khai chương trình, các dự án cụ thể chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của huyện; xúc tiến hợp đồng tiêu thụ nông sản phẩm, chuyển đổi nhanh diện tích cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang cây trồng, vật nuôi hiệu quả cao. Đề xuất chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp huyện giai đoạn 2011 - 2015. Đẩy mạnh xây dựng xã nông thôn mới. Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Kinh tế huyện, Trưởng Trạm Thú y huyện, Trưởng Trạm Khuyến nông, Trưởng Trạm Bảo vệ thực vật huyện, Giám đốc Trung tâm Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp huyện, Thủ trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Cử Chi giai đoạn 2011 - 2015

*(Kèm theo Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Phần I

THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

I. THÀNH TỰU VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

- Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân giai đoạn 2006 - 2010 là 9,45%/năm, góp phần nâng cao đời sống của người dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Đã thực hiện vượt các chỉ tiêu chủ yếu như hoa kiểng, cây ăn trái, đồng cỏ chăn nuôi, rau an toàn, giảm diện tích lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng các loại cây con có hiệu quả cao.

- Nhiều mô hình chuyển đổi đạt hiệu quả kinh tế rất cao như các mô hình trồng lan cắt cành có thu nhập bình quân trên 600 triệu đồng/ha/năm. Mô hình nuôi bò sữa với qui mô 15 - 20 con/hộ cho thu nhập 500 - 700 triệu đồng. Mô hình trồng rau muống nước cho thu nhập trên 400 triệu đồng/ha/năm. Mô hình vườn cây ăn trái kết hợp du lịch cho thu nhập trên 200 triệu đồng/ha/năm....

- Việc thực hiện chương trình hỗ trợ lãi vay theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND của UBND thành phố, tuy số tiền cho vay chưa nhiều nhưng góp phần thúc đẩy nhân dân mạnh dạn đầu tư thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi.

- Được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo thống nhất từ thành phố đến các ban, ngành, đoàn thể, ấp, các doanh nghiệp và đặc biệt đã tạo được sự đồng tình ủng hộ của các doanh nghiệp và của nhân dân: nông dân đã giao đất để xây dựng các công

trình hạ tầng và không yêu cầu bồi thường với tổng diện tích 531.850m², tương ứng giá trị 74 tỷ đồng,

- Trình độ kỹ thuật và quản lý trong nông nghiệp được nâng cao qua các chương trình huấn luyện chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp. Nhiều giống cây, con chất lượng cao được áp dụng vào sản xuất sau khi đã được kiểm định, quản lý nguồn gốc xuất xứ. Nông dân ứng dụng qui trình thực hành nông nghiệp tốt vào sản xuất, chất lượng và tính an toàn trên nông sản ngày được nâng cao.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ:

- Sự phối hợp một số ngành thực hiện chưa tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nhân rộng mô hình có hiệu quả còn chậm.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác chuyển đổi thực hiện còn chậm chưa kịp thời theo tốc độ chuyển đổi của người dân, tình trạng “được mùa mất giá” vẫn còn tồn tại.

- Việc ký kết tiêu thụ nông sản qua hợp đồng và nhân rộng các mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao vẫn còn hạn chế.

- Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp cần được bổ sung, thay đổi theo hướng có lợi cho người sản xuất như: Mức hỗ trợ lãi vay, thời gian thu hồi vốn, thời gian gói đầu giữa 2 lần vay. Những hộ không có tài sản thế chấp chưa thể tiếp cận nguồn vốn này, việc giải ngân và hỗ trợ lãi vay còn chậm.

III. NGUYÊN NHÂN:

1. Khách quan:

- Giá cả các yếu tố đầu vào trong sản xuất nông nghiệp liên tục tăng cao trong khi đầu ra sản phẩm nông nghiệp giá tăng chậm.

- Diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp; ảnh hưởng biến đổi khí hậu, triều cường dâng cao, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng xấu đến kết quả sản xuất của nông dân.

- Qui mô đất sản xuất bình quân trên hộ thấp, qui mô thửa ruộng nhỏ nên ứng dụng cơ giới hóa kém hiệu quả.

2. Chủ quan:

- Chưa xác định vùng đất sản xuất nông nghiệp lâu dài làm cho nông dân chưa mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Việc phát triển nhanh các khu dân cư, các nhà máy đã gây ô nhiễm nguồn nước ở một số nơi, ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi nhất là thủy sản.

- Công tác cảnh báo, dự báo còn nhiều hạn chế, chưa có sự liên kết vùng trong sản xuất nông nghiệp.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và nhất là sự đồng thuận của nhân dân Củ Chi trong thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao thu nhập, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Công tác vận động tuyên truyền thực hiện chương trình chuyển đổi là nhân tố tích cực để nông dân nhận thức và tích cực thực hiện chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và đi lại của nhân dân, là một trong những điều kiện rất quan trọng thúc đẩy sự thành công, hiệu quả trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Chương trình hỗ trợ lãi vay để làm đòn bẩy kích thích người dân tham gia đầu tư vốn vào sản xuất nông nghiệp, đồng thời cần có chương trình bình ổn giá cả thị trường qua việc dự tính, dự báo giá trong tương lai và có chính sách hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp, chính sách phòng chống thiên tai, dịch bệnh hiệu quả.

- Việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp cần gắn chặt với các chương trình an sinh xã hội, nhất là chương trình giảm hộ nghèo, tăng hộ khá, chương trình xây dựng xã Nông thôn mới để tác động lẫn nhau phát triển bền vững.

Phần II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. NHIỆM VỤ:

Trong những năm qua ngành nông nghiệp huyện có bước phát triển ổn định, đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế xã hội, nhiệm vụ chính trị phải tiếp tục hoàn thành là thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, bền vững nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân, bảo vệ môi trường và cung cấp hàng nông sản cho thành phố.

Trên cơ sở dự báo, đánh giá một số mặt thuận lợi, khó khăn. Nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong thời gian tới là:

1. Xây dựng nền nông nghiệp gắn liền với đặc trưng của một đô thị lớn. Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy đặc sản; phát triển mạnh các cây con chủ lực theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển theo chiều sâu các mô hình và nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất có hiệu quả như kinh tế trang trại, kinh tế hộ kết hợp sản xuất với kinh doanh. Sản xuất theo tiêu chuẩn Việt GAP gắn với xây dựng thương hiệu, xuất xứ, chất lượng đủ sức cung ứng các đơn hàng nông sản khối lượng lớn.

2. Tiếp tục ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, xây dựng và định hình các vùng sản xuất hợp lý với sự tham gia của các tổ chức và cá nhân, thuộc các thành phần kinh tế, chuyển giao nhanh các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp vào sản xuất và bảo vệ môi trường.

3. Quy hoạch, quản lý sử dụng đất nông nghiệp, đầu tư đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tạo điều kiện thực hiện chuyển đổi diện tích trồng lúa. Đẩy nhanh việc xây dựng xã nông thôn mới. Gắn kết, phối hợp Trung tâm Giống thủy sản nước ngọt, Khu nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Giao dịch và triển lãm nông sản và các dự án thủy lợi trọng điểm thúc đẩy phát triển sản xuất.

4. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, hỗ trợ, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản, mở rộng phạm vi hoạt động và tăng tỷ trọng tín dụng của hệ thống ngân hàng. Từng bước hình thành phương thức liên kết sản xuất, kinh doanh nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ - tiêu thụ trên địa bàn huyện. Phát triển mạnh các làng nghề truyền thống; đặc biệt là những làng nghề gắn du lịch sinh thái như các xã ven sông Sài Gòn: xã Bình Mỹ, Hòa Phú, Trung An, Phú Hòa Đông, An Nhơn Tây, An Phú, Phú Mỹ Hưng, Nhuận Đức.

5. Nghiên cứu, đề xuất thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhằm huy động các thành phần kinh tế, các chuyên gia, các nông dân giỏi thực hiện có hiệu quả chương trình giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao và nông sản chủ lực của huyện.

6. Tăng năng suất lao động và thu nhập lao động nông nghiệp; nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên mỗi đơn vị diện tích.

7. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn huyện.

8. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, dịch hại cây trồng. Chú trọng vấn đề xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu và các chất kháng sinh, kích thích tăng trưởng có hại trong nuôi trồng.

9. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển, bảo vệ và chăm sóc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

II. MỤC TIÊU:

1. Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 bình quân trên 7%/năm. Trong đó: Trồng trọt tăng bình quân 3%/năm, chăn nuôi tăng bình quân 10%/năm, thủy sản tăng bình quân 7 - 8%/năm, các hoạt động dịch vụ nông lâm ngư nghiệp tăng bình quân 7%/năm.

2. Đến năm 2015, giảm tối đa diện tích cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp chuyển sang cây trồng, vật nuôi khác hiệu quả cao, phát triển bền vững. Xây dựng chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp gắn với việc hình thành phong trào thi đua sản xuất đạt 220 triệu đồng/ha/năm.

3. Xây dựng và định hình các vùng sản xuất nông sản hàng hóa. Hình thành hệ thống sản xuất hợp lý với sự tham gia của nhiều tổ chức cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ thông qua các hợp đồng sản xuất và tiêu thụ.

4. Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn: Tăng tỉ lệ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, hoàn thành 11 xã xây dựng xã nông thôn mới (xã Tân Thông Hội hoàn thành năm 2011; xã Thái Mỹ hoàn thành năm 2012; 9 xã hoàn thành năm 2014), các xã còn lại hoàn thành vào năm 2017.

5. Mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản, phần đầu có sản phẩm xuất khẩu và nâng cao tỉ lệ nông sản tiêu thụ thông qua các hợp đồng kinh tế ổn định.

6. Cơ cấu kinh tế nông lâm ngư nghiệp đến năm 2015:

Giá trị sản xuất trồng trọt chiếm 29,9%; chăn nuôi: 49,9%; lâm nghiệp 1%; thủy sản 4%; các hoạt động dịch vụ nông lâm ngư nghiệp chiếm 15%.

III. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP:

1. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp đến 01/01/2011:

Tổng diện tích đất nông nghiệp: 30.325,67ha.

a) Đất sản xuất nông nghiệp: 29.540,67ha.

- Đất trồng cây hàng năm: 14.852,82ha,

+ Đất trồng lúa: 6.110,38ha.

+ Đất cỏ dùng vào chăn nuôi: 3.289,86ha

- + Đất trồng rau an toàn: 2.141,58ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 3.311ha
- Đất trồng cây lâu năm: 14.687,85ha, trong đó:
 - + Đất hoa kiểng lâu năm: 522,86ha.
 - + Đất cây ăn trái: 4.814,04ha
 - + Đất trồng cây lâu năm khác: 9.350,95ha
- b) Đất lâm nghiệp có rừng: 48ha.
- c) Đất nuôi trồng thủy sản: 437,58ha.
- d) Đất nông nghiệp khác: 299,42ha.

2. Định hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp:

2.1. Tổng diện tích đất nông nghiệp đến năm 2015: 26.240ha.

- a) Đất sản xuất nông nghiệp: 24.010ha.
 - Đất trồng cây hàng năm: 11.850ha
 - + Đất trồng lúa: Diện tích trồng lúa còn 4.400ha. Đây là đối tượng chủ yếu, cần tập trung trong chuyển đổi cây trồng khác và nuôi thủy sản để nâng giá trị sử dụng đất nông nghiệp, tăng thu nhập cho hộ nông dân.
 - + Đất trồng rau 3.210ha.
 - + Đất trồng cỏ phục vụ chăn nuôi 3.229ha.
 - + Đất trồng hoa nền lên 67ha.
 - Đất trồng cây lâu năm 12.160ha:
 - + Đất hoa kiểng 488,1ha (Trong đó hoa kiểng lâu năm 420,5ha).
 - + Đất trồng cây ăn quả 2.800ha tập trung chủ yếu ở các xã ven sông Sài Gòn.
 - + Đất trồng cây lâu năm khác: 8.871,9ha
- b) Nuôi trồng thủy sản: Diện tích mặt nước 450ha, Trong đó nuôi cá kiểng 20ha.
- c) Trồng rừng, cây xanh: Quy hoạch phát triển, bảo vệ các loại rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất. Nâng diện tích rừng lên 900ha vào năm 2015. Chuyển hóa cây rừng, bảo vệ động vật rừng.
- d) Đất nông nghiệp khác: 880ha

2.2. Chuyển đổi trong lĩnh vực chăn nuôi:

a) Chăn nuôi:

- Bò sữa:

+ Tiếp tục thực hiện chương trình bò sữa, tổng đàn đến năm 2015 khoảng 60.000 con.

+ Nâng cao chất lượng con giống và năng suất cho sữa qua việc sử dụng các dòng tinh cao sản (10.000 - 11.000 lít/chu kỳ).

+ Từng bước thay đổi phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ, nâng cao và chuyên nghiệp hóa trình độ quản lý trang trại để khai thác đúng tiềm năng di truyền về năng suất, chất lượng giống theo hướng chi phí hợp lý, hiệu quả cao phát triển bền vững.

- Heo: Nâng tổng đàn ở mức 200.000 con, tăng cường sản xuất con giống và nâng cao chất lượng heo giống. Hiện đại hóa chuồng trại, hợp lý hóa quy trình chăn nuôi để tăng hệ số sử dụng chuồng trại...

- Gia cầm: Thực hiện chủ trương của thành phố, không khuyến khích nuôi trên địa bàn huyện, chỉ được nuôi ở các nơi đảm bảo an toàn sinh học theo qui định của ngành thú y.

2.3. Các vật nuôi khác: Phát triển các loại lâm, thủy đặc sản có giá trị, có thị trường tiêu thụ như: Lươn, cá sấu, một số loại bò sát, nhím, dê,...

Phần III

CÁC GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

I. CÁC GIẢI PHÁP VỀ QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, ĐỒNG BỘ HÓA CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN:

1. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp:

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết các vùng đất nông nghiệp ổn định đến năm 2020 tầm nhìn 2025.

- Quy hoạch chi tiết sử dụng đất nông nghiệp từng loại cây trồng, vật nuôi theo các chương trình mục tiêu phát triển của huyện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chung được phê duyệt hoàn thành năm 2011, nhất là quy hoạch và xây dựng chương trình nuôi bò sữa, trồng cỏ, rau an toàn; trồng hoa - kiểng; nuôi cá sấu, ba ba, xây dựng và khai thác, bảo vệ 3 loại rừng...

2. Về đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp:

- Không đầu tư mới các công trình hạ tầng thủy lợi, cải tạo đất, các công trình phục vụ sản xuất giống trên vùng nông nghiệp không ổn định, chỉ thực hiện duy tu, quản lý bảo vệ các công trình và cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện có, đảm bảo phục vụ sản xuất của nông dân trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Phối hợp với Trung tâm Sản xuất giống thủy sản nước ngọt ở xã Tân An Hội sản xuất, cung ứng con giống đạt chất lượng cho địa phương và các dự án, chương trình đầu tư khác trong chương trình giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao.

- Đầu tư và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, các hoạt động khuyến nông, tư vấn hỗ trợ nông nghiệp, xây dựng hệ thống sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn GAP.

- Tập trung đầu tư, đồng bộ hóa công trình hạ tầng chủ yếu (thủy lợi, điện, giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, điểm tập kết, trung chuyển, bảo quản nông sản).

II. CÁC GIẢI PHÁP VỀ VỐN - TÍN DỤNG - ĐẦU TƯ:

1. Vốn ngân sách:

- Tập trung và đầu tư đúng mức cho các hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, khuyến nông; giống mới; đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn (thủy lợi, giao thông nội đồng, trại sản xuất giống...); các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ như kiểm dịch, phòng chống dịch bệnh, thú y, bảo vệ thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý, bảo vệ rừng, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản...

- Xây dựng và triển khai các dự án sử dụng vốn ngân sách đầu tư cho nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trọng điểm; các chương trình phát triển cây con và sản phẩm chủ lực.

- Thực hiện chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Vốn tín dụng, vốn khác:

- Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương về tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn như Quyết định số 02/2001/QĐ-TTg ngày 02 tháng 01 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển các dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu, sản xuất nông nghiệp...

- Phối hợp với các tổ chức tín dụng, triển khai hình thức vay vốn phù hợp với điều kiện từng hộ vay, có vận dụng quy định của Ngân hàng (có thể chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay; vay bằng tín chấp, vay theo dự án sản xuất, kinh doanh) đảm bảo có hiệu quả, đồng thời kiểm tra, giám sát việc vay, cấp vốn đầu tư để đảm bảo nguồn vốn được sử dụng có hiệu quả, đúng mục tiêu và thanh toán đúng kỳ hạn.

- Phối hợp với các đoàn thể và địa phương để huy động, sử dụng các nguồn vốn từ Quỹ xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, quỹ của các hội, đoàn thể để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất và chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, chuyển đất trồng lúa sang trồng các loại cây khác, nuôi thủy sản, xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường nông thôn. Khuyến khích các doanh nghiệp bán trả góp vật tư, thiết bị nông nghiệp cho nông dân, ứng vốn cho dân vay sản xuất nguyên liệu.

3. Vốn hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tham gia trong chuỗi chuyển đổi diện tích cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang cây trồng, vật nuôi hiệu quả cao hơn:

- Đề xuất chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng, cải tạo đồng ruộng, vay vốn sản xuất, đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm, sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi (ưu tiên đầu tư cho giống mới phục vụ chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015).

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành phục vụ chương trình giống và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

III. CÁC GIẢI PHÁP VỀ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN:

- Tập trung và huy động tiềm năng, nguồn lực các thành phần kinh tế để tham gia, đầu tư, thực hiện có hiệu quả cao chương trình giống cây con chất lượng cao và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Đào tạo nâng cao trình độ tay nghề sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn thúc đẩy nông dân tham gia đầu tư vào các khâu trung gian và tiêu thụ sản phẩm.

IV. CÁC GIẢI PHÁP VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, TIÊU THỤ NÔNG SẢN:

1. Phối hợp với các ngành cung cấp thông tin thị trường đầu vào, đầu ra sản phẩm nông nghiệp, về qui mô sản xuất tiêu thụ của từng ngành hàng, từng bước củng cố và xây dựng chuỗi các ngành hàng, từng bước mở rộng chương trình sản xuất

nông nghiệp tốt (GAP), liên kết giữa người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ kịp thời cũng như đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.

2. Tiếp tục tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và thành phố liên quan đến hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản.

3. Tạo điều kiện và phát triển các hoạt động tư vấn, hỗ trợ nông nghiệp, nông dân; xây dựng thương hiệu nông sản.

V. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH:

1. Tiếp tục củng cố tăng cường hoạt động của Phòng Kinh tế huyện, Trạm Bảo vệ thực vật huyện, Trạm Khuyến nông, Trạm Thú y huyện, Trung tâm Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Hoàn chỉnh hệ thống thông tin, cập nhật dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch, tiến độ sản xuất phù hợp, xác thực để phản ánh đúng, thực hiện tốt nhiệm vụ cảnh báo, dự báo.

2. Nâng cao trình độ và kỹ thuật sản xuất cho nông dân:

Tổ chức tập huấn, huấn luyện, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để nâng cao trình độ sản xuất của nông dân và hộ sản xuất nông nghiệp. Phần đầu 100% số hộ nông dân chuyển đổi đất trồng lúa được tập huấn theo một quy trình từ lúc người nông dân đăng ký chuyển đổi đến năm vững qui trình sản xuất, các yếu tố đầu vào, đầu ra của loại cây trồng, vật nuôi, các thủ tục vay vốn đầu tư cải tạo đồng ruộng để chuyển đổi đến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đầu tư cho sản xuất và các bước tiếp theo cho đến khi nông dân bán được sản phẩm và thu hồi vốn.

3. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất và với vùng nguyên liệu trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

4. Đẩy mạnh chương trình tham quan, học tập kinh nghiệm sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cho lực lượng cán bộ kỹ thuật, khuyến nông, nông dân sản xuất.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM:

1. Chương trình giống cây, con chất lượng cao đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2025:

Xây dựng và định hình các vùng sản xuất giống cây, giống con, thủy đặc sản. Hình thành hệ thống sản xuất giống hợp lý với sự tham gia của nhiều tổ chức cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, gắn nghiên cứu với ứng dụng, chuyển giao.

2. Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp gắn với việc hình thành phong trào thi đua sản xuất đạt 220 triệu đồng/ha/năm:

Đề nâng giá trị sản xuất bình quân trên một ha đất nông nghiệp, làm nền tảng cho việc nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập khu vực nông nghiệp, thu hẹp khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn. Tiếp tục xây dựng các chương trình cây, con chủ lực và các đề án phát triển chuyên ngành:

- Chương trình phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015.
- Chương trình phát triển bò sữa giai đoạn 2011 - 2015.
- Chương trình hoa lan, cây cảnh, cá kiểng giai đoạn 2011 - 2015.

3. Các dự án trọng điểm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp huyện:

- Tiếp tục thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện, trong đó: tập trung hoàn thành công trình 5 xã điểm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và các xã xây dựng nông thôn mới.

- Đôn đốc các ngành chức năng đẩy nhanh đầu tư công trình đê bao bờ hữu sông Sài Gòn.

4. Chương trình phát triển nông thôn: Tập trung các đề án, dự án bao gồm:

- Phối hợp thực hiện dự án nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2011 - 2015 do Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn làm chủ đầu tư.

- Phối hợp thực hiện đề án củng cố, nâng cao kinh tế hợp tác trong nông nghiệp do Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện.

- Thực hiện đề án xây dựng mô hình nông thôn mới cho các xã thuộc huyện Củ Chi.

VII. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:

1. Phòng Kinh tế:

- Chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách khuyến khích chuyển đổi kinh tế nông nghiệp đến

các đối tượng có liên quan trên địa bàn huyện. Theo dõi tổng hợp kết quả chuyển đổi từng quý, năm. Dự trù kinh phí thực hiện công tác chuyển đổi trình Thường trực Ủy ban nhân dân huyện.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan quy hoạch diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng hình thành vùng có quy mô sản xuất hàng hóa tập trung, để chủ động phối hợp với các doanh nghiệp có thị trường tiêu thụ và có kinh nghiệm sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp trong việc vận động nông dân ký kết hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm dần hình thành những cơ sở sản xuất hàng hóa lớn.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã đăng ký chuyển đổi, tập huấn, huấn luyện và lập dự án vay vốn theo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Hàng năm, tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể về thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

2. Ban Quản lý ĐTXDCT: Phối hợp UBND các xã, Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng đẩy nhanh triển khai thi công công trình cơ sở hạ tầng phục vụ chương trình chuyển đổi kinh tế nông nghiệp.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong bố trí kinh phí phục vụ công tác chuyển đổi, công tác thực hiện Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4. Phòng Tài nguyên - Môi trường: Lập qui hoạch chi tiết sử dụng đất nông nghiệp phát triển nông thôn đến năm 2020 tầm nhìn 2025, quản lý và cập nhật biến động đất kịp thời giúp UBND huyện quản lý đất tiết kiệm, hiệu quả.

5. Trạm Bảo vệ thực vật: Dự tính dự báo tình hình phát sinh sâu bệnh hại, hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh an toàn, tiết kiệm. Kiểm tra việc kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn.

6. Trạm Khuyến nông: Hướng dẫn nông dân thực hiện qui trình sản xuất tiên tiến đối với các đối tượng chuyển đổi, nhân rộng các mô hình chuyển đổi hiệu quả cao, tổ chức tham quan học tập các mô hình tiên tiến.

7. Trạm Thú y: Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, đảm bảo an toàn dịch tễ đàn gia súc và làm cơ sở xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh gia súc trên địa bàn huyện.

8. Trung tâm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp: Hỗ trợ nông dân trong việc giải quyết vốn phục vụ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có hiệu quả.

9. Hội Nông dân huyện: Tổ chức tuyên truyền cho các hội viên, nông dân nhân rộng mô hình chuyển đổi có hiệu quả và hỗ trợ vốn cho nông dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao.

10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Phối hợp các ngành chuyên môn thực hiện công tác chuyển đổi trên địa bàn xã, vận động nhân dân, doanh nghiệp tham gia chuyển đổi, xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi nông nghiệp trên địa bàn xã, hướng dẫn người dân thực hiện đúng qui định về qui trình hỗ trợ tín dụng, vận động thành lập các hình thức hợp tác sản xuất phù hợp.

- Theo dõi tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã quản lý và đề xuất giải pháp thực hiện chuyển đổi trên địa bàn xã./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2011/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 09 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại huyện Củ Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 753/TTr-NV ngày 01 tháng 12 năm 2011 và Văn bản số 419/TP ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Trưởng Phòng Tư pháp huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng tại huyện Cử Chi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND

ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Những nguyên tắc chung trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, xây dựng, chỉ đạo phong trào thi đua, tổ chức thực hiện giao ước thi đua giữa các Cụm, Khối thi đua; tổ chức phát động thi đua, đăng ký giao ước thi đua gắn với nhiệm vụ, công tác được giao. Theo năm kế hoạch và từng đợt thi đua, đợt vận động, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn phải có trách nhiệm xem xét, đánh giá, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua để xét chọn những tập thể và cá nhân trong đơn vị đã lập thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để biểu dương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng, chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Tập thể, cá nhân có thành tích, công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển nền kinh tế, xã hội của Huyện đều được xét đề nghị khen thưởng. Các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phải có trách nhiệm phát hiện, xem xét các tập thể, cá nhân có thành tích, đề kịp thời động viên, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng. Không bỏ sót tập thể, cá nhân có thành tích; khen thưởng những tập thể, cá nhân không có thành tích hoặc chưa đủ thành tích, điều kiện để khen thưởng.

3. Công tác thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua và đăng ký thi đua.

4. Công tác khen thưởng thực hiện trên nguyên tắc chính xác, dân chủ, công khai, công bằng và kịp thời.

5. Căn cứ thành tích đạt được, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn xem xét và đề nghị khen thưởng phù hợp (thành tích đến đâu khen thưởng đến đó). Mỗi hình thức khen thưởng có thể được xét tặng nhiều lần cho một đối tượng, không nhất thiết hình thức khen thưởng lần sau phải cao hơn hình thức khen thưởng lần trước. Khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính. Chú ý khen thưởng ở cấp cơ sở nhiều hơn cấp trên, người lao động trực tiếp nhiều hơn cán bộ quản lý.

Điều 2. Đối tượng thi đua, khen thưởng

Bao gồm tất cả các tập thể, cá nhân của các cơ quan Đảng, các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển địa phương, đều được Ủy ban nhân dân huyện xét khen thưởng và đề nghị cấp trên xét, khen thưởng.

Điều 3. Điều kiện để xét khen thưởng

Căn cứ vào thành tích của tập thể, cá nhân gắn liền với kết quả thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác được giao, thành tích phải được căn cứ từ hiệu quả trong công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh và trong chiến đấu, rèn luyện, học tập; hoặc có những sáng kiến, phát minh, đề tài, tác phẩm, áp dụng những kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao; những hành động dũng cảm, những gương vượt khó, những việc làm, hành động nhằm phát huy truyền thống đạo lý, nhân nghĩa của dân tộc, của nhân dân, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho nhân dân, Nhà nước và xã hội.

Về danh hiệu thi đua được xét, bình chọn từ thấp đến cao, danh hiệu thi đua cơ sở là điều kiện để xét danh hiệu cao hơn và các hình thức khen thưởng khác.

Điều 4. Nhiệm vụ và nội dung thực hiện công tác thi đua, khen thưởng:

1. Công tác thi đua, khen thưởng nhằm đáp ứng yêu cầu khẳng định, ghi nhận, đánh giá thành tích thi đua của các tập thể và cá nhân trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển của địa phương; khen thưởng phải đúng đối tượng, chính xác, kịp thời, có tác dụng động viên và nêu gương.

2. Công tác khen thưởng phải gắn liền với kết quả đạt được trong các phong trào thi đua, khắc phục tình trạng khen thưởng tràn lan mất cân đối giữa các lĩnh vực và

các đơn vị. Để khắc phục tình trạng xin, cho trong khen thưởng cần chú trọng thực hiện việc cấp trên chủ động xem xét, đánh giá và khen thưởng thành tích của các cá nhân, đơn vị trực thuộc. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân phát hiện những trường hợp có thành tích xứng đáng phải có trách nhiệm báo cáo thành tích và kết quả cho cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

Chương II

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Danh hiệu, hình thức thi đua, nội dung tổ chức và các hình thức tổ chức đánh giá kết quả phong trào thi đua

1. Danh hiệu thi đua gồm có: danh hiệu thi đua đối với cá nhân, danh hiệu thi đua đối với tập thể và danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến (Chiến sĩ tiên tiến) Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố (Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể: Tập thể lao động tiên tiến (Đơn vị tiên tiến), Tập thể lao động xuất sắc (Đơn vị quyết thắng), Cờ thi đua của Thành phố (Cờ thi đua của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Cờ thi đua của Chính phủ.

Tổ dân phố văn hóa, khu phố văn hóa, ấp văn hóa.

c) Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

2. Hình thức thi đua gồm có: thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt (thi đua theo chuyên đề)

a) Nội dung thi đua thường xuyên:

Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Đối tượng thi đua là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Thi đua thường xuyên được tổ chức theo Khối, Cụm thi đua để ký kết giao ước thi đua. Đầu năm đơn vị thực hiện việc đăng ký giao ước thi đua giữa các cá nhân, tập

thể. Kết thúc năm công tác (hoặc năm học đối với ngành giáo dục và đào tạo), đơn vị tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua; những cá nhân, tập thể có đăng ký thi đua thì mới được bình xét danh hiệu thi đua.

b) Nội dung thi đua theo đợt:

Thi đua theo đợt được phát động khi xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian, nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tập trung hoàn thành nhiệm vụ có tính chất chuyên môn để thực hiện những công việc khó khăn, những việc còn yếu kém.

Khi tiến hành sơ, tổng kết đợt thi đua (hoặc chuyên đề thi đua) chủ yếu thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua (giấy khen, bằng khen). Trường hợp sơ, tổng kết đợt thi đua (hoặc chuyên đề thi đua) có thời gian từ 5 năm trở lên, đơn vị chủ trì phát động thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Nội dung tổ chức phong trào thi đua:

Căn cứ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua để đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

4. Tổ chức, đánh giá, chấm điểm kết quả giao ước thi đua:

a) Đối với các cơ quan, đơn vị và xã, thị trấn:

Các ban, ngành, đoàn thể Huyện và các xã, thị trấn tiến hành đăng ký giao ước thi đua với Ủy ban nhân dân huyện về nội dung thi đua và danh hiệu thi đua ngay từ đầu năm; Chịu trách nhiệm tham gia hoạt động Cụm, Khối thi đua trên cơ sở Cụm, Khối thi đua do Ủy ban nhân dân huyện qui định.

Đối với phòng, ban, ngành, đoàn thể Huyện cần xây dựng các nội dung, tiêu chí, thang điểm để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các xã, thị trấn trên từng mặt công tác do các đơn vị quản lý theo lĩnh vực chuyên môn, lĩnh vực hoạt động, với tổng số điểm chấm thống nhất là 150 điểm. Khi có kết quả đánh giá, phân loại, chấm điểm thi đua đối với các xã, thị trấn, các đơn vị thông báo đến Hội đồng

Thi đua, Khen thưởng huyện, đồng thời thông báo công khai kết quả cho xã, thị trấn; trong đó, cần nêu điểm hạn chế, tồn tại để xã, thị trấn được biết và có sự tập trung đầu tư chỉ đạo, chấn chỉnh những mặt còn hạn chế, yếu kém trên các lĩnh vực. Thời gian thông báo trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ khi có thông báo, các xã, thị trấn có quyền thắc mắc, khiếu nại đối các kết quả chấm điểm của các đơn vị cấp trên thuộc Huyện và các đơn vị này có trách nhiệm giải đáp, trả lời thắc mắc (nếu có). Đồng thời các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện có trách nhiệm nhận xét, đánh giá các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố theo 3 loại A, B, C cho 3 nội dung như sau:

+ Nội dung 1: Công tác lãnh chỉ đạo tổ chức triển khai các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước thuộc trách nhiệm phân công.

+ Nội dung 2: Sự phối hợp

Xã, thị trấn có trách nhiệm nhận xét, đánh giá vai trò quản lý, điều hành hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các ban, ngành, đoàn thể Huyện.

b) Đối với Cụm, Khối thi đua:

Các Cụm, Khối thi đua thuộc Huyện (do Ủy ban nhân dân huyện quy định) cần xây dựng Quy chế hoạt động Cụm, Khối thi đua, xây dựng Kế hoạch hoạt động Cụm, Khối thi đua và tổ chức đăng ký giao ước thi đua hàng năm. Trong quá trình thực hiện giao ước thi đua, các đơn vị trong từng Cụm, Khối thi đua cần tổ chức sinh hoạt, trao đổi học tập kinh nghiệm giữa các đơn vị trong Cụm, Khối.

Cuối năm, các Cụm, Khối thi đua tổ chức họp, đánh giá, phân loại, chấm điểm kết quả giao ước thi đua đã thực hiện trong năm. Căn cứ kết quả chấm điểm của đơn vị và trên cơ sở chấm điểm của các sở, ban, ngành Thành phố đối với ban, ngành, đoàn thể Huyện hoặc trên cơ sở ban, ngành, đoàn thể Huyện chấm điểm cho xã, thị trấn, tiến hành bình chọn đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối thi đua.

Điều 6. Tiêu chuẩn và thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua

1. Tiêu chuẩn, điều kiện công nhận các danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Được xét công nhận mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác đối với cá nhân đạt 04 tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có

tin thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét đối với các đối tượng sau: cán bộ, chức chức, viên chức (đối tượng thuộc chỉ tiêu biên chế, kể cả cán bộ hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế công tác từ 12 tháng trở lên), người lao động (đối tượng có hợp đồng lao động, thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên) làm việc trong các cơ quan, đơn vị, các cơ sở kinh tế.

Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và những cá nhân có hành động dũng cảm, cứu người cứu tài sản, những cá nhân trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế, thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Cá nhân đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, kết hợp với thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xét tương đương danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác.

Đối với cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho các trường hợp không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên; bị xử phạt hành chính; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Được xét công nhận mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác đối với các cá nhân tiêu biểu đạt 02 tiêu chuẩn sau:

- Là “Lao động tiên tiến”;
- Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ mới hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu để nâng cao năng suất lao động, hiệu suất công tác của cơ quan, đơn vị.

Sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng công nghệ mới phải được Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở công nhận.

Việc bình chọn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải đảm bảo tính tiêu biểu trong phong trào thi đua, tỷ lệ “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét không quá 30% số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị.

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”

Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt 02 tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với thành phố và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Thành phố xem xét, công nhận.

Việc bình chọn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố phải đảm bảo tính tiêu biểu trong phong trào thi đua, tỷ lệ “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” được xét không quá 30% số cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” 03 năm liên tục.

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt 02 tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”;

- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có phạm vi ảnh hưởng rộng đối với toàn quốc.

e) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Tập thể lao động tiên tiến là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành nhiệm vụ. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác đối với tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét đối với các đối tượng sau:

- Các phòng, ban và tương đương, các đơn vị thuộc cấp Huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;
- Các đơn vị sự nghiệp: trường học, bệnh viện và tương đương.
- Các đơn vị sản xuất kinh doanh: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh....

f) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Tập thể lao động xuất sắc là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác đối với tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (hoặc hình thức chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa 6 tháng trở lên đối với đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Luật Lao động);
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét đối với các đối tượng sau:

- Các phòng, ban và tương đương, các đơn vị thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;
- Các đơn vị sự nghiệp: trường học, bệnh viện và tương đương.
- Các đơn vị sản xuất kinh doanh: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh....

g) Danh hiệu “Cờ thi đua của Thành phố”

Được xét tặng hàng năm cho các đơn vị tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, được bình chọn là đơn vị dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua. Tiêu chuẩn để xét tặng “Cờ thi đua cấp Thành phố” là:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;
- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập;
- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

Việc chia Cụm, Khối thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện thực hiện. Số lượng đơn vị trong Cụm, Khối ít nhất là 05 đơn vị, nhiều nhất không quá 15 đơn vị.

h) Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”, “ấp - khu phố văn hóa”

Được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp cuối năm cho các đối tượng đạt các tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 29, Điều 30 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Thẩm quyền xét, quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

a) Thẩm quyền xét, quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Tập thể lao động tiên tiến” theo thẩm quyền. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Giám đốc Bệnh viện huyện Củ Chi, Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi, Trường trung cấp nghề Củ Chi xét công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, trừ các trường hợp cán bộ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm.

- Đối với bảo vệ dân phố, công an xã, xã đội (biên chế thuộc Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quản lý) do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến.

- Đối với ngành giáo dục, đào tạo: việc xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các trường học, trung tâm,... thực hiện theo năm học; Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện xét thi đua theo năm dương lịch.

- Đối với doanh nghiệp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty Cổ phần, Công ty liên doanh nước ngoài,... hoạt động độc lập, do Giám đốc doanh nghiệp xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”. Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện ủy quyền cho Giám đốc doanh nghiệp (có trụ sở làm việc trên địa bàn Huyện) xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Đối với doanh nghiệp là thành viên của tập đoàn kinh tế, Tổng công ty (hoặc tương đương) do Giám đốc doanh nghiệp thành viên xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Đối với doanh nghiệp có trụ sở nằm trong các khu công nghiệp do: Trưởng Ban Quản lý Khu công nghiệp ủy quyền cho Giám đốc các doanh nghiệp công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Đối với cơ quan quản lý tổ chức, quỹ lương theo hệ thống ngành dọc từ Trung ương đến cơ sở như Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự, Chi Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội, Chi Cục Thống kê, Liên đoàn Lao động,... sẽ do cơ quan, đơn vị ngành dọc xét và công nhận các danh hiệu thi đua.

b) Thẩm quyền quyết định tặng “Cờ thi đua của Thành phố”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét, công nhận.

c) Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” do Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận.

d) Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xét, quyết định công nhận.

e) Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Tổ dân phố văn hóa”, “ấp - khu phố văn hóa” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xét, quyết định công nhận.

Chương III

CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

VÀ TIÊU CHUẨN XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 7. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước, giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

Việc tôn vinh doanh nhân, doanh nghiệp được thực hiện theo Quyết định số

51/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.

Điều 8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Được xét tặng hàng năm cho các tập thể, cá nhân trong nước, ngoài nước hoặc xét khen thưởng khi kết thúc cuộc vận động, một đợt thi đua, một phong trào thi đua, hoàn thành một hạng mục hoặc cả công trình; thành tích cụ thể, đột xuất, gương “Người tốt, việc tốt”, học sinh giỏi, gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động từ thiện xã hội,... có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi thành phố.

2. Tiêu chuẩn để xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Những tập thể, cá nhân tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được bình chọn trong số các tập thể, cá nhân có hai năm liên tục được công nhận “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

b) Những tập thể, cá nhân có thành tích cụ thể, đột xuất, gương “người tốt, việc tốt” tiêu biểu có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi thành phố.

Điều 9. Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

1. Là hình thức khen thưởng vinh dự của Thành phố, khen thưởng cho người nước ngoài và các cá nhân trong và ngoài Thành phố, mỗi cá nhân chỉ được tặng một lần. Huy hiệu thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, cá nhân được tặng Huy hiệu, không kèm theo tiền thưởng.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện để xét tặng Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Đối với cá nhân trong các cơ quan, đơn vị có tổ chức bình xét thi đua hàng năm: phải đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” liên tục 05 năm.

b) Đối với cá nhân không thuộc diện xét danh hiệu thi đua: căn cứ theo thành tích đóng góp cụ thể, nếu là người trong nước thì ngoài thành tích đóng góp cụ thể phải được Ủy ban nhân dân Thành phố tặng 02 Bằng khen.

c) Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân: phải có những đóng góp tích cực trong vai trò nhiệm vụ của Đại biểu, phải có thời gian tham gia ít nhất 01 nhiệm kỳ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp thành phố và ít nhất 02 nhiệm kỳ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, thị trấn.

d) Đối với người nước ngoài: phải có công lao đóng góp cho sự phát triển của Thành phố trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội.

Điều 10. Cờ truyền thống của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Được xét khen thưởng cho những đơn vị có tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống 10 năm, 15 năm, 20 năm, 30 năm, ... Đối tượng xét tặng Cờ Truyền thống là các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Thành phố và các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố. Cờ Truyền thống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, được tặng một lá cờ có ghi tên đơn vị và không kèm theo tiền thưởng.

2. Tiêu chuẩn để xét khen thưởng Cờ Truyền thống:

a) Là những đơn vị phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” (Đơn vị Quyết thắng) 05 lần trong khoảng thời gian 10 năm gần nhất và trong 5 năm gần thời điểm đề nghị tặng Cờ Truyền thống phải có ít nhất 01 “Cờ thi đua của Thành phố”. Giữa 2 lần đề nghị Cờ truyền thống phải cách nhau 10 năm.

b) Các đơn vị không có danh hiệu thi đua thì phải có ít nhất 3 Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 11. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Được xét khen thưởng khi kết thúc một cuộc vận động, đợt thi đua, phong trào thi đua với thành tích cụ thể, khen thưởng đột xuất, gương “người tốt, việc tốt”, học sinh giỏi, gương có hành động dũng cảm, điển hình vượt khó, ... có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi toàn Huyện.

2. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua, đợt thi đua (chuyên đề) trong các mặt công tác, trong các hoạt động xã hội trên địa bàn huyện;

b) Tập thể, cá nhân có thành tích cụ thể, đột xuất như gương “người tốt, việc tốt”, hành động dũng cảm (cứu người, bắt cướp, tấn công các loại tội phạm bảo vệ tài sản của Nhà nước và của nhân dân, ...) có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi Huyện;

Việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề chỉ thực hiện khi tiến hành tổng kết chuyên đề, theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện hoặc Sở, ngành Thành phố. Hàng năm, việc khen thưởng các hoạt động chuyên đề, các phong trào thi đua theo đợt chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động phong trào, trường hợp tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng hoặc trường hợp đặc biệt xuất sắc đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch Nước tặng Huân chương các loại.

Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện không xét tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân vào dịp tổng kết năm công tác. Riêng các đơn vị trực thuộc ngành dọc quản lý (cấp quản lý và trả lương cán bộ), Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện sẽ xem xét, tặng Giấy khen cho tập thể đơn vị có thành tích xuất sắc, trong hoạt động Cụm Khối thi đua thuộc Huyện, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh và phát triển phong trào thi đua chung của địa phương.

Chương IV

QUY TRÌNH XÉT, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 12. Quy trình xét và thủ tục đề nghị khen thưởng

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

1. Quy định chung về thủ tục trình khen thưởng

a) Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

b) Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi sơ, tổng kết các các phong trào, thì cấp đó xem xét, lựa chọn các điển hình tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng và phải có sự thống nhất của cơ quan chủ quản của các đối tượng được đề nghị khen thưởng.

2. Về thủ tục đề nghị khen thưởng

a) Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp:

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập. Hội đồng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng, trong đó: Chủ tịch là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Phó Chủ tịch là đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực cần thiết của cơ quan, đơn vị.

b) Kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp:

Khi xét danh hiệu thi đua và xét danh hiệu vinh dự Nhà nước, các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phải bỏ phiếu kín và phải có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

c) Lấy ý kiến hiệp y:

Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng.

Các trường hợp phải lấy ý kiến của sở, ngành, đoàn thể cấp trên quản lý: Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương Lao động các hạng; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể và cá nhân là lãnh đạo (người đứng đầu đơn vị). Riêng các trường hợp đề nghị danh hiệu vinh dự Nhà nước phải lấy ý kiến của địa phương nơi cư trú. Đối với các đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho đơn vị và thủ trưởng đơn vị phải có xác nhận của cơ quan tài chính.

3. Thẩm quyền đề nghị xét khen thưởng

a) Chính quyền cùng cấp không xét khen thưởng cho cơ quan Đảng cùng cấp, nhưng xét khen thưởng cho các Ban của Đảng cùng cấp.

b) Đối với các Cụm, Khối thi đua: do Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Cờ thi đua đối với các đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối thi đua trực thuộc (do Ủy ban nhân dân huyện chia Cụm, Khối), đồng thời dẫn đầu Cụm, Khối thi đua thuộc sở, ban, ngành trên cơ sở lấy ý kiến hiệp y của sở, ban, ngành có liên quan. Riêng đối với các đơn vị ngành dọc sẽ do sở, ngành có liên quan đề nghị trên cơ sở hiệp y của Ủy ban nhân dân huyện.

c) Đối với các doanh nghiệp đóng tại các khu chế xuất, khu công nghiệp do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố đề nghị. Doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh có vốn nước ngoài (không phải là thành viên của các Tổng công ty) đóng trên địa bàn Huyện sẽ do Ủy ban nhân dân huyện đề nghị khen thưởng.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị khen thưởng và thời gian giải quyết khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Văn bản đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của cơ quan, đơn vị đề nghị

khen thưởng hoặc biên bản họp xét của cơ quan, đơn vị đề nghị. Trường hợp Ban Chỉ đạo, Hội đồng đề nghị khen thưởng thì phải có Biên bản họp lấy ý kiến thành viên Ban Chỉ đạo, Hội đồng;

c) Báo cáo thành tích (theo mẫu quy định) của các tập thể, cá nhân đề nghị xét khen thưởng (phải có nhận xét, đánh giá và xác nhận thành tích của thủ trưởng cấp trên quản lý trực tiếp của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo thành tích). Đối với hồ sơ đề nghị Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: 03 bản, hồ sơ đề nghị từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên: 05 bản. Về hồ sơ đề nghị xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua phải có báo cáo về nội dung các đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực, được Hội đồng xét công nhận sáng kiến xác nhận theo thẩm quyền quy định.

d) Đính kèm danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng: đối với cá nhân phải thể hiện đầy đủ các thông tin về số thứ tự, giới tính, họ và tên, chức vụ - đơn vị hoặc địa chỉ, tóm tắt thành tích (khen thưởng chuyên đề) hoặc kết quả khen thưởng (khen thưởng tổng kết năm công tác); đối với tập thể phải thể hiện các thông tin về số thứ tự, tên đơn vị, tóm tắt thành tích hoặc kết quả khen thưởng.

e) Xác nhận của cơ quan tài chính theo quy định đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước khi trình các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho đơn vị và thủ trưởng đơn vị.

Riêng hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đột xuất gồm: Tờ trình, bản tóm tắt thành tích của cơ quan, quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích đề đề nghị khen thưởng.

2. Thời gian nộp hồ sơ và giải quyết khen thưởng:

a) Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề: gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện (Phòng Nội vụ). Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, trong thời gian 07 ngày làm việc, Phòng Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, ban hành Quyết định khen thưởng. Đối với trường hợp tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng do có sáng kiến, phát minh, sáng chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ và trong các lĩnh vực khác phải có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết năm: gửi về Phòng Nội vụ trước

ngày 15 tháng 12 hàng năm. Riêng ngành giáo dục và đào tạo, gửi hồ sơ về Phòng Nội vụ trước ngày 01 tháng 8 hàng năm.

b) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng và đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước:

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề: gửi về Phòng Nội vụ. Trong thời gian 05 ngày làm việc, Phòng Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đề nghị khen thưởng theo yêu cầu của sở, ngành có liên quan.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết năm (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ): gửi về Phòng Nội vụ trước ngày 20 tháng 3 hàng năm. Thời gian tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đề nghị trước ngày 25 tháng 4 hàng năm; riêng ngành giáo dục và đào tạo trước ngày 25 tháng 8 hàng năm.

3. Thông báo về kết quả khen thưởng

a) Các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng và đã được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ phải thông báo cho đơn vị trình khen biết.

b) Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời gian 05 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đồng ý với cơ quan thẩm định), cơ quan thẩm định phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị trình khen thưởng biết.

4. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các ban, ngành, đoàn thể và cơ quan, đơn vị thuộc Huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư khiếu nại hoặc xác nhận cho các đối tượng được khen thưởng khi có yêu cầu.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG

Điều 14. Nguồn kinh phí, mức thưởng và chế độ ưu đãi

Nguồn kinh phí, mức thưởng và chế độ ưu đãi của Ủy ban nhân dân huyện và các xã, thị trấn căn cứ vào Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01

năm 2011 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính. Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác, động viên khen thưởng kịp thời và phù hợp với tình hình ngân sách của Huyện.

Không chi tiền thưởng đối với tập thể, cá nhân người nước ngoài, tập thể và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen về thành tích đóng góp, ủng hộ trong các cuộc vận động ủng hộ đồng bào thiên tai, đóng góp từ thiện xã hội,...

Điều 15. Nguyên tắc phân cấp chi kinh phí khen thưởng

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp nào ra quyết định khen thưởng, đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện chi tiền thưởng theo quy định từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

Điều 16. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch và quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Việc sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Ngoài các mức thưởng quy định tại Thông tư số 71/2011/BTC của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện có thể vận dụng chi thưởng đột xuất và chi khác tùy theo thành tích cụ thể, mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện quyết định trên cơ sở cân đối từ nguồn quỹ khen thưởng được trích của Huyện.

Chương IV

CÔNG TÁC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN, TỔ CHỨC CÔNG BỐ, TRAO TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ NHÂN ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

Điều 17. Công tác thông tin tuyên truyền nhân điển hình tiên tiến phải được quán triệt sâu sắc và được tổ chức thực hiện thường xuyên nhằm góp phần thúc đẩy phong trào thi đua phát triển sâu rộng.

Điều 18. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện phối hợp Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thanh, Bản tin Củ Chi tổ chức thông tin tuyên truyền, giới thiệu, biểu dương những nhân tố tích cực, gương “người tốt, việc tốt”, những điển hình tiêu biểu trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng của nhân dân và các trường hợp được khen thưởng.

Điều 19. Tổ chức nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao phải đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, có tác dụng động viên, giáo dục nêu gương, tránh phô trương hình thức, lãng phí. Lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, Lễ kỷ niệm và Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận các danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao. Không tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp cao riêng, kết hợp tổ chức cùng với các Lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của ngành, đơn vị, địa phương.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Huyện.

Điều 21. Ban Chỉ đạo thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” huyện căn cứ vào các tiêu chuẩn cụ thể do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành để tham mưu các hình thức khen thưởng liên quan trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hàng năm theo quy định.

Điều 22. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ngành quản lý đóng trên địa bàn Huyện căn cứ hướng dẫn của sở, ngành và vận dụng Quy định này thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng và tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, nhân rộng gương điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

Điều 23. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể Huyện, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn căn cứ Quy định này để triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Minh Tấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN****ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 608/UBND

Phú Nhuận, ngày 15 tháng 12 năm 2011

Về việc đính chính nội dung tại
Chỉ thị số 04/2011/CT-UBND
ngày 21 tháng 11 năm 2011

Kính gửi: Trung tâm Công báo thành phố Hồ Chí Minh

Do sơ suất trong khâu đánh máy nên tại Chỉ thị số 04/2011/CT-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận có một số nội dung chưa chính xác, nay Ủy ban nhân dân quận điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

- Tại phần 1.3 ***Trách nhiệm Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin***: “Kết hợp với Trung tâm Văn hóa và Trung tâm Thể dục thể thao có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chỉ đạo các ngày lễ lớn thực hiện trang trí, cổ động trực quan trên các tuyến đường lớn đảm bảo các yêu cầu về thuần phong mỹ tục, trật tự an toàn giao thông và theo các quy định của pháp luật; tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc, truyền thống dân tộc nhằm phục vụ nhân dân đón Tết Tân Mão năm 2011”.

Nay điều chỉnh lại như sau: “Kết hợp với Trung tâm Văn hóa và Trung tâm Thể dục thể thao có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chỉ đạo các ngày lễ lớn thực hiện trang trí, cổ động trực quan trên các tuyến đường lớn đảm bảo các yêu cầu về thuần phong mỹ tục, trật tự an toàn giao thông và theo các quy định của pháp luật; tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc, truyền thống dân tộc nhằm phục vụ nhân dân đón ***Tết Nhâm Thìn năm 2012***”.

- Tại phần 3.11 ***Trách nhiệm Giám đốc Công ty TNHH 01 Thành viên Dịch vụ Công ích Phú Nhuận***: “Đợt 3: Tập trung toàn bộ công nhân vệ sinh và phương tiện

thực hiện công tác quét, thu gom và vận chuyển hết rác đến Khu xử lý rác theo quy định của thành phố trong ngày 22/01/2011 (tức ngày 29 tháng 12 Âm lịch)”.

Nay điều chỉnh lại như sau: “Đợt 3: Tập trung toàn bộ công nhân vệ sinh và phương tiện thực hiện công tác quét, thu gom và vận chuyển hết rác đến Khu xử lý rác theo quy định của thành phố trong **ngày 22/01/2012** (tức ngày 29 tháng 12 Âm lịch)”.

Trân trọng./.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Đỗ Phụng Hiệp

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng